

Số: 564/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 365, 366, 367, 368, 369 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 .

Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

*Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2105 của **Ngân hàng N** quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 488/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1.1/Công ty cổ phần M

Trụ sở: số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người nhận ủy quyền của ông T: ông Nguyễn Phúc T1, chức vụ: trưởng phòng xử lý nợ. (Quyết định ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025)

Người nhận ủy quyền của ông T1:

+Ông Nguyễn Thành D, chức vụ: trưởng bộ phận xử lý nợ

+Ông Phan Công Q, chức vụ: chuyên viên xử lý nợ

(Giấy ủy quyền số 58211/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 13/11/2025)

1.2/ Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D1, chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như G, trưởng phòng xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025).

Người nhận ủy quyền của ông G: ông Nguyễn Thượng T2, chuyên viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 11203/2026/UQN-PLTH2 ngày 09/3/2026)

2/Bị đơn: Chị Vũ Phương T3, sinh năm 2000; số CCCD: 001300001842.

Đăng ký thường trú: số nhà A ngõ F phố Đ, tổ D phường V, Thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Các bên xác nhận chị Vũ Phương T3 còn nợ Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021 và Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh V1) số LD2319301481 ngày 12/7/2023, tính đến ngày 17/4/2026 như sau:

2.1.1/Số nợ đối với công ty cổ phần M1 như sau:

+Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021: số nợ gốc là 191.332.897 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.478.567 đồng, nợ lãi quá hạn là 41.203.225 đồng. Tổng cộng là 236.014.689 đồng.

+Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1**) số LD2319301481 ngày 12/7/2023: nợ gốc là 19.410.342 đồng, lãi trong hạn là 343.738 đồng, lãi quá hạn là 4.743.860 đồng. Tổng cộng là 24.497.940 đồng.

Tổng cộng nợ **Công ty cổ phần M2** là: 260.512.629 đồng.

2.1.2/ Số nợ đối với **Ngân hàng TMCP V** như sau:

+Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021: số nợ gốc là 10.070.152 đồng, nợ lãi trong hạn là 183.083 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.168.591 đồng. Tổng cộng là 12.421.826 đồng.

+Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1**) số LD2319301481 ngày 12/7/2023: nợ gốc là 1.021.597 đồng, lãi trong hạn là 18.091 đồng, lãi quá hạn là 249.677 đồng. Tổng cộng là 1.289.365 đồng.

Tổng cộng nợ **ngân hàng TMCP V** là: 13.711.191 đồng.

2.2/Chị **Vũ Phương T3** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** theo phương án trả nợ như sau:

2.2.1/Ngày 20/5/2026, chị **Vũ Phương T3** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi cho **Công ty cổ phần M1** theo Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021, tổng số nợ là 236.014.689 đồng.

2.2.2/Ngày 20/5/2026, chị **Vũ Phương T3** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, số nợ lãi cho **Ngân hàng TMCP V** theo Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021, tổng số nợ là 12.421.826 đồng.

Trường hợp chị **Vũ Phương T3** vi phạm phương án trả nợ nêu trên (vi phạm về số tiền và/hoặc thời gian trả tiền) đối với Hợp đồng cho vay số LN 2103293539626 ngày 31/3/2021, thì **công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent ; số máy: G4LCLF 721263; số khung: RLUA741BBMN055028; BKS: 30G-971.86; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do **Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố H** cấp số 29 042125, chủ xe chị **Vũ Phương T3** để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì chị **T3** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.2.3/ Ngày 20/5/2026 chị **Vũ Phương T3** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1**) số LD2319301481 ngày 12/7/2023 cho **công ty cổ phần M1** là 24.497.940 đồng.

2.2.4/ Ngày 20/5/2026 chị **Vũ Phương T3** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1**) số LD2319301481 ngày 12/7/2023 cho **Ngân hàng TMCP V** là 1.289.365 đồng.

Kể từ ngày 21/5/2026, trường hợp chị **Vũ Phương T3** vi phạm bất cứ thời gian trả nợ nào về thời hạn/ số tiền trả nợ theo Hợp đồng cho vay (áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1**) số LD2319301481 ngày 12/7/2023 thì Nguyên đơn là **công ty cổ phần M1** và **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành án thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3/Đồng thời kể từ ngày 18/4/2026, chị **Vũ Phương T3** còn phải chịu lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4/ Về án phí: Các bên tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch.

Chị **Vũ Phương T3** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.855.595 đồng.

Hoàn trả cho **Công ty cổ phần M1** số tiền 5.975.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0005998 ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0005999 ngày 13 tháng 3 năm 2026.

5/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Hà Nội;;
- Phòng THA dân sự khu vực 3 --Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hiền